TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ - ST
Ngày 15/9/2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Văn Tiến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhâm và Ông Lương Quang Toán.

Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2025/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1991, địa chỉ: Tổ dân phố A, phường M, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).*

- *Bị đơn:* Anh La Văn K, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt không có lý do, đã được triệu tập hợp lệ).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2025, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh La Văn K qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 04/3/2010. Anh chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống tại thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang) một thời gian, sau đó vợ chồng đều đi làm ăn xa. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến tháng 8/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách, không có tiếng nói chung trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù đã được

hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được và ngày càng trầm trọng, vợ chồng ly thân kể tháng 8/2024, kể từ khi ly thân anh chị không có sự quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Vào cuối năm 2024, chị H nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Na Hang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3- Tuyên Quang) để giải quyết, tuy nhiên do anh K không có ý thức chấp hành theo triệu tập của Toà án và bản thân chị H bận nhiều công việc nên đã xin rút đơn, vụ việc đã được Tòa án đình chỉ. Kể từ đó đến nay, anh chị vẫn ly thân và mâu thuẫn vợ chồng không có sự cải thiện, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh La Văn K.

- Về con chung: Có 03 con chung là La Trần Phương A, sinh ngày 18/12/2009, La Anh Đ, sinh ngày 18/6/2012 và La Tuấn M, sinh ngày 11/12/2016. Hiện nay các con đang sống cùng chị H. Khi ly hôn, chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi 03 cháu và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh La Văn K đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (anh K đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H, cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh La Văn K.

+ Về con chung: Giao 03 con là La Trần Phương A, sinh ngày 18/12/2009, La Anh Đ, sinh ngày 18/6/2012 và La Tuấn M, sinh ngày 11/12/2016 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh K không phải cấp

dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh K không phải chịu án phí.

+ Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

+ Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh La Văn K; Anh La Văn K có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang.

Theo cung cấp của Công an xã N, đại diện thôn N thì anh La Văn K có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang nhưng nay đi làm ăn xa tại tỉnh khác và không thông báo địa chỉ cụ thể, lần gần nhất anh K có mặt tại địa phương là vào khoảng tháng 7/2025. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh K đến Tòa án để làm việc nhưng anh K vắng mặt không có lý do nên được xác định là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh La Văn K vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu H và anh La Văn K là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 04/3/2010. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang) được một thời gian, sau đó vợ chồng anh chị đi làm ăn xa. Quá trình chung sống, do có

nhiều mâu thuẫn và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh K.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 07/8/2025 với đại diện thôn N, xã N (BL.50), Biên bản ghi lời khai đối với bà Lý Thanh T, là mẹ đẻ của anh K (BL.34-35) và các tài liệu khác trong hồ sơ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng anh chị có nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần anh K cầm cố tài sản có giá trị của gia đình (ô tô, xe máy) làm ảnh hưởng tới kinh tế chung, vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát và ly thân từ khoảng tháng 8 năm 2024. Chị H đã từng 01 lần nộp đơn xin ly hôn đến Toà án vào cuối năm 2024, nhưng sau đó rút đơn. Tuy nhiên kể từ đó đến nay anh chị vẫn ly thân và mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được nên nay chị H tiếp tục đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh K. Như vậy, anh chị đã ly thân nhau một thời gian dài, kể từ khi ly thân đã không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ và thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Thu H, cho chị H được ly hôn anh La Văn K.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị H và anh K có 03 con chung là La Trần Phương A, sinh ngày 18/12/2009, La Anh Đ, sinh ngày 18/6/2012 và La Tuấn M, sinh ngày 11/12/2016. Hiện nay các cháu đang sống cùng chị H. Khi ly hôn, chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi 03 cháu và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy 03 con đã ở cùng chị H kể từ khi vợ chồng ly thân, anh K ít có sự quan tâm đối với các con, 03 con đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn, do vậy cần căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao 03 con chung cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không buộc anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định; anh La Văn K không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H.

1. Về Hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh La Văn K *(Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 04/3/2010 tại UBND phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, nay là UBND phường M).*

2. Về con chung: Giao các cháu L Trần Phương A, sinh ngày 18/12/2009, La Anh Đ, sinh ngày 18/6/2012 và La Tuấn M, sinh ngày 11/12/2016 cho chị Trần Thị Thu H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh La Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)* và được trừ vào số tiền 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai số 0000149 ngày 24/7/2025 (Chị H đã nộp đủ tiền án phí). Anh La Văn K không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh;*
- *VKSND khu vực 3- Tuyên Quang;*
- *THA Dân sự tỉnh Tuyên Quang;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND phường Minh Xuân (Nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Dương Văn Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nhâm **Lương Quang Toán** **Dương Văn Tiến**